



zá cǎo

杂草

noun · weeds

Example Sentences

Huā yuán lǐ zhǎng mǎn le zá cǎo

花园里长满了杂草。

The garden is overgrown with weeds.

Nóng mín men huā le yī zhěng tiān qīng chú tián lǐ de zá cǎo

农民们花了一整天清除田里的杂草。

The farmers spent the whole day clearing weeds from the fields.

Trace each character, then write the word on your own.

杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂	杂		
草	草	草	草	草	草	草	草	草	草	草
草										